

CHUYÊN ĐỀ 2: SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VIỆT NAM

Câu 1: Ở Việt Nam hiện nay, thành phần giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế là:

- A. Kinh tế Nhà nước. B. Kinh tế ngoài Nhà nước.
C. Kinh tế cá thể. D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Câu 2: Nhận định nào sau đây không đúng với sự chuyển dịch cơ cấu ngành ở nước ta hiện nay:

- A. Tỉ trọng của khu vực nông - lâm- ngư nghiệp ngày càng giảm.
B. Tỉ trọng của khu vực công nghiệp- xây dựng tăng.
C. Tỉ trọng khu vực dịch vụ liên tục tăng.
D. Tỉ trọng khu vực dịch vụ khá cao nhưng còn biến động.

Câu 3: Trong cơ cấu GDP của nước ta, ngành dịch vụ có đặc điểm:

- A. Chiếm tỉ trọng thấp nhất nhưng có xu hướng tăng lên.
B. Chiếm tỉ trọng cao nhất nhưng có xu hướng giảm xuống.
C. Chiếm tỉ trọng cao nhưng xu hướng còn biến động.
D. Tỉ trọng cao hơn nông –lâm- ngư nghiệp, nhưng còn thấp hơn công nghiệp, xây dựng và ít biến động.

Câu 4: Công cuộc Đổi mới ở nước ta đã được triển khai từ năm:

- A. 1975 B. 1981 C. 1986 D. 1996

Câu 5: Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ?

- A. Giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.
B. Trong nông nghiệp đã hình thành các vùng chuyên canh.
C. Kinh tế cá thể được thừa nhận và ngày càng phát triển.
D. Công nghiệp là ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất.

Câu 6: Cả nước hình thành các vùng kinh tế năng động thể hiện ở:

- A. Sự chuyển dịch cơ cấu GDP của nền kinh tế.
B. Sự chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế.
C. Sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.
D. Sự chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.

Câu 7: Tỉnh nào sau đây nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam:

- A. Đồng Nai B. Bình Định C. Hải Dương D. Bến Tre.

Câu 8: Chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần đã góp phần tích cực vào việc

- A. Chuyển dịch cơ cấu ngành và cơ cấu lãnh thổ
B. Hình thành hệ thống vùng kinh tế với các trung tâm công nghiệp mới
C. Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế
D. B. Hình thành hệ thống vùng kinh tế với các trung tâm công nghiệp mới và các vùng chuyên canh nông nghiệp

Câu 9: Ý nào không phải là thành tựu nền kinh tế nước ta trong thời kì đổi mới?

- A. Kinh tế tăng trưởng tương đối vững chắc
B. Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa
C. Nước ta đang trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới
D. Vấn đề việc làm, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế chưa đáp ứng yêu cầu của xã hội

Câu 10: Tỉnh nào sau đây không nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc:

- A. Hải Dương B. Quảng Ninh. C. Nam Định D. Hưng Yên.

Câu 11: Vùng kinh tế trọng điểm miền trung gồm:

- A. 3 tỉnh, thành B. 4 tỉnh, thành C. 5 tỉnh, thành D. 6 tỉnh, thành.

Câu 12: Ba vùng kinh tế trọng điểm nước ta là:

- A. Phía Bắc,miền Trung và phía Nam.
- B. Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam.
- C. Bắc Bộ, Trung bộ và Nam bộ..
- D. ĐBSH, Duyên hải nam trung bộ và Đông Nam Bộ.

Câu 13: Ngành nào sau đây được coi là ngành công nghiệp trọng điểm tiêu biểu hiện nay?

- A. Hóa chất.
- B. Luyện kim
- C. Vật liệu xây dựng.
- D. Sản xuất hàng tiêu dùng.

Câu 14: Sự kiện lớn diễn ra trong thập niên 90 của thế kỉ XX, đánh dấu sự hội nhập kinh tế nước ta là:

- A. Bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ
- B. Gia nhập ASEAN.
- C. Gia nhập WTO.
- D. Trở thành, thành viên của liên hiệp quốc.

Câu 15: Cơ cấu ngành kinh tế của nước ta không có sự chuyển dịch theo hướng:

- A. Giảm tỉ trọng của khu vực nông, lâm, ngư nghiệp
- B. Tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp- xây dựng
- C. Tăng tỉ trọng khu vực Nông, lâm, ngư nghiệp
- D. Khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhưng xu hướng còn nhiều biến động

Câu 16: Cơ cấu thành phần kinh tế nước ta có sự chuyển dịch theo hướng

- A. Từ kinh tế Nhà nước, tư nhân sang kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế tập thể
- B. Từ kinh tế tập thể, cá thể, tư nhân sang kinh tế Nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
- C. Từ kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sang kinh tế Nhà nước, cá thể, tư nhân
- D. Từ nền kinh tế chủ yếu là khu vực Nhà nước và tập thể sang nền kinh tế nhiều thành phần

Câu 17: Vùng kinh tế nào của nước ta không giáp biển?

- A. Tây Nguyên
- B. Trung du và miền núi Bắc bộ
- C. Đông Nam Bộ
- D. Đồng bằng sông Hồng

Câu 18: Số lượng các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm của nước ta lần lượt là

- A. 7 và 3
- B. 7 và 2
- C. 8 và 3
- D. 8 và 4

Câu 19: Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc bao gồm các tỉnh, thành phố:

- A. Hưng Yên, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh
- B. Quảng Ninh, Hà Tây, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định
- C. Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Thái Nguyên, Phú Thọ
- D. Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Phú Thọ, Tuyên Quang, Thái Bình, Nam Định, Vĩnh Phúc

Câu 20: Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam?

- A. Đồng Nai
- B. Bà Rịa- Vũng Tàu
- C. Bình Phước
- D. Bến Tre

Câu 21: Các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay là:

- A. Nhà nước, tập thể, tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
- B. Nhà nước, tư nhân, hợp tác xã, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
- C. Nhà nước, tổ hợp tác, tư nhân, cá thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
- D. Nhà nước, cá thể, tập thể, tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

Câu 22: Ý nào sau đây không phải là thành tựu trong phát triển kinh tế của nước ta?

- A. Kinh tế tăng trưởng tương đối vững chắc
- B. Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa
- C. Không còn các xã nghèo, vùng nghèo
- D. Phát triển kinh tế hàng hóa hướng ra xuất khẩu

Câu 23: Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP của nước ta hiện nay là thành phần kinh tế:

A. Nhà nước

B. Tư nhân

C. Tập thể

D. Có vốn đầu tư nước ngoài

Câu 24: Ý nghĩa tích cực của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là:

A. Giảm dần sự phát triển chênh lệch giữa các vùng, các địa phương

B. Giảm dần sự chênh lệch về mức sống giữa các dân tộc, giữa thành thị và nông thôn

C. Huy động tốt hơn các nguồn lực phát triển kinh tế trong và ngoài nước

D. Nâng cao sức mạnh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường thế giới

Câu 25: Tỷ trọng của khu vực nông, lâm, ngư nghiệp trong cơ cấu GDP giảm và chiếm tỷ trọng thấp nhất chứng tỏ:

A. Nông, lâm, ngư nghiệp có vị trí không quan trọng trong nền kinh tế nước ta.

B. Nước ta đã hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa .

C. Nước ta đang chuyển từng bước từ nông nghiệp sang công nghiệp.

D. Nước ta đang rơi vào tình trạng khủng hoảng kinh tế.

Câu 26: Trong những năm gần đây, lĩnh vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở nước ta tăng nhanh chủ yếu là do:

A. Tài nguyên thiên nhiên được khai thác hiệu quả hơn.

B. Cơ sở hạ tầng ngày càng hoàn thiện hơn.

C. Chính sách mở cửa hội nhập ngày càng sâu rộng.

D. Khu vực kinh tế nhà nước ngày càng yếu kém.

Câu 27: Nước ta có thể trồng từ 2 đến 3 vụ lúa và rau trong một năm là nhờ:

A. Có nhiều diện tích đất phù sa.

B. Có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

C. Có mạng lưới sông ngòi, ao, hồ dày đặc.

D. Có nguồn sinh vật phong phú.

Câu 28: Khu vực có diện tích đất phù sa lớn nhất nước ta là:

A. Các vùng trung du và miền núi.

B. Vùng Đồng bằng Sông Hồng.

C. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Các đồng bằng ở duyên hải miền trung.

Câu 29: Tài nguyên nước ở nước ta có một nhược điểm lớn là:

A. Chủ yếu là nước trên mặt, nguồn nước ngầm không có.

B. Phân bố không đều giữa các vùng lãnh thổ.

C. Phân bố không đều trong năm gây lũ lụt và hạn hán.

D. Khó khai thác để phục vụ nông nghiệp vì hệ thống đê ven sông.

Câu 30: Mặt không thuận lợi của khí hậu nhiệt đới ẩm là :

A. Lượng mưa phân bố không đều trong năm gây lũ lụt và hạn hán.

B. Tạo ra sự phân hóa sâu sắc giữa các vùng miền của đất nước.

C. Nguồn nhiệt ẩm dồi dào làm cho sâu , dịch bệnh phát triển.

D. Tình trạng khô hạn thường xuyên diễn ra vào các mùa khô nóng.

Câu 31: Hiện nay nhà nước đang khuyến khích:

A. Khai hoang chuyển đất lâm nghiệp sang đất nông nghiệp.

B. Phát triển một nền nông nghiệp hướng ra xuất khẩu.

C. Đưa nông dân vào làm ăn trong các hợp tác xã nông nghiệp.

D. Tăng cường độc canh cây lúa nước để đẩy mạnh xuất khẩu gạo.

Câu 32: Yếu tố tự nhiên nào sau đây có ảnh hưởng thường xuyên tới hoạt động sản xuất lương thực ở nước ta trên diện rộng :

- A. Động đất
- B. Sương muối , giá rét
- C. Bão lũ, hạn hán, sâu bệnh .
- D. lũ quét.

Câu 33: Diện tích đất nông nghiệp nước ta hiện nay chiếm khoảng :

- A. Hơn 5 triệu ha
- B. Hơn 7 triệu ha
- C. Hơn 9 triệu ha
- D. Hơn 10 triệu ha

Câu 34: Cơ cấu nông nghiệp nước ta đang thay đổi theo hướng:

- A. Tăng tỉ trọng của ngành chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành trồng trọt.
- B. Tăng tỉ trọng cây lương thực, giảm tỉ trọng cây công nghiệp.
- C. Tăng tỉ trọng cây công nghiệp hàng năm, giảm tỉ trọng cây công nghiệp lâu năm.
- D. Tăng tỉ trọng cây lúa, giảm tỉ trọng cây hoa màu.

Câu 35: Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt của nước ta:

- A. Cây lúa
- B. Cây hoa màu
- C. Cây công nghiệp
- D. Cây ăn quả và rau đậu

Câu 36: Ở nước ta cây lúa được trồng nhiều nhất ở:

- A. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu long.
- B. Tất cả các đồng bằng.
- C. Các đồng bằng châu thổ và đồng bằng ven biển.
- D. Trên khắp cả nước.

Câu 37: Do trồng nhiều giống lúa mới nên:

- A. Lúa được trồng rộng rãi trên khắp cả nước.
- B. Cơ cấu mùa vụ đã thay đổi nhiều.
- C. Đã hình thành được hai vùng trọng điểm lúa.
- D. Cơ cấu ngành trồng trọt ngày càng đa dạng.

Câu 38: Đây là một trong những tác động tích cực của việc đẩy mạnh trồng cây công nghiệp:

- A. Diện tích đất trồng bị thu hẹp
- B. Công nghiệp chế biến sẽ trở thành ngành trọng điểm
- C. Phá được chế độ độc canh trong nông nghiệp.
- D. Diện tích rừng bị thu hẹp.

Câu 39: Đông Nam Bộ đang dẫn đầu cả nước về diện tích:

- A. Cây điều
- B. Cây hồ tiêu
- C. Đậu tương
- D. Cả ba loại

Câu 40: Do trồng nhiều giống lúa mới nên:

- A. Lúa được trồng rộng rãi trên khắp cả nước.
- B. Cơ cấu mùa vụ đã thay đổi nhiều.
- C. Đã hình thành được hai vùng trọng điểm lúa.
- D. Cơ cấu ngành trồng trọt ngày càng đa dạng.

Câu 41: Vùng chăn nuôi lợn thường gắn chủ yếu với:

- A. Các đồng cỏ tươi tốt.
- B. Vùng nuôi trồng thủy sản
- C. Vùng trồng cây công nghiệp.
- D. Vùng trồng cây lương thực.

Câu 42: Tỉ trọng cây lương thực trong cơ cấu giá trị ngành trồng trọt đang giảm điều đó cho thấy:

- A. Nông nghiệp đang được đa dạng hóa.
- B. Nước ta đang thoát khỏi tình trạng độc canh cây lúa nước.
- C. Nông nghiệp không còn giữ vai trò quan trọng trong kinh tế.
- D. Cơ cấu bữa ăn đã thay đổi theo hướng tăng thực phẩm, giảm lương thực.

Câu 43: Trong thời gian qua diện tích trồng lúa không tăng nhiều nhưng sản lượng lúa tăng nhanh điều đó chứng tỏ:

- A. Tình trạng độc canh cây lúa nước ngày càng tăng.
- B. Đã thoát khỏi tình trạng độc canh cây lúa nước.

- C. Nước ta đang đẩy mạnh thâm canh cây lúa nước.
- D. Thâm canh tăng năng suất được chú trọng hơn mở rộng diện tích.

Câu 44: Bò sữa được nuôi nhiều ở ven các thành phố lớn vì:

- A. Gần nguồn (các trạm) thức ăn chế biến.
- B. Gần thị trường tiêu thụ.
- C. Gần các trạm thú y.
- D. Đòi hỏi cao về vốn, công tác thú y, chuồng trại.

Câu 45: Sự tăng nhanh tỉ trọng cây công nghiệp trong cơ cấu giá trị ngành trồng trọt, điều đó cho thấy:

- A. Lúa không còn là cây trồng chính ở nước ta.
- B. Đã chấm dứt tình trạng độc canh cây lúa nước.
- C. Nước ta đang phát huy thế mạnh của nền nông nghiệp nhiệt đới.
- D. Nước ta có điều kiện thuận lợi trồng cây công nghiệp hơn là trồng lúa.

Câu 46: Ngành chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu ngành nông nghiệp nước ta hiện nay là:

- A. Trồng trọt
- B. Chăn nuôi
- C. Dịch vụ nông nghiệp
- D. tỉ trọng như nhau.

Câu 47: Đặc điểm đặc trưng nhất của nền nông nghiệp nước ta là:

- A. Nền nông nghiệp nhiệt đới
- B. Nền nông nghiệp ôn đới
- C. Nền nông nghiệp hiện đại, năng suất cao
- D. Nền nông nghiệp cổ truyền, lạc hậu

Câu 48: Nguyên nhân quan trọng nhất cho phép nước ta phát triển cây công nghiệp nhất là cây công nghiệp lâu năm là:

- A. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và tài nguyên đất Feralit phong phú
- B. Khí hậu phân hóa đa dạng, tài nguyên nước dồi dào
- C. Lao động có nhiều kinh nghiệm trồng cây công nghiệp
- D. Thị trường nông sản ngày càng mở rộng

Câu 49: Đặc điểm nào sau đây không đúng với ngành trồng trọt nước ta?

- A. Ngành trồng trọt chủ yếu độc canh cây lúa chuyển sang đa dạng hóa các loại cây trồng.
- B. Tỉ trọng cây công nghiệp cao hơn tỉ trọng cây lương thực trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt.
- C. Năng suất và sản lượng lương thực liên tục tăng.
- D. Nhiều vùng chuyên canh cây công nghiệp được mở rộng.

Câu 50: Sự phát triển và phân bố công nghiệp chế biến rộng khắp đã có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp . Ý nào sau đây không đúng?

- A. Tăng giá trị và khả năng cạnh tranh của hàng nông nghiệp
- B. Nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp
- C. Ổn định và phát triển các vùng chuyên canh
- D. Đưa nông nghiệp trở thành ngành chủ lực của nước ta

Câu 51: Những điều kiện có tính quyết định tạo nên những thành tựu to lớn trong sản xuất nông nghiệp nước ta là:

- A. Đất đai, khí hậu, nguồn nước
- B. Chất lượng nguồn lao động
- C. Điều kiện kinh tế- xã hội
- D. Các điều kiện tự nhiên và các điều kiện kinh tế xã hội

Câu 52: Sản xuất lúa của nước ta bảo đảm đủ ăn và còn đủ để xuất khẩu. Nguyên nhân quan trọng nhất là:

- A. Tính cần cù lao động của người dân
- B. Đường lối đổi mới trong nông nghiệp của Nhà Nước
- C. Thời tiết liên tục diễn biến thuận lợi
- D. Diện tích trồng lúa ngày càng tăng

Câu 53: Nhân tố nào có ảnh hưởng lớn nhất đến việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi ở nước ta?

- A. Đất trồng
- B. Khí hậu
- C. Nguồn nước
- D. Thị trường

Câu 54: Nền nông nghiệp nước ta đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, thể hiện rõ nhất ở:

- A. Diện tích đất canh tác không ngừng được mở rộng
- B. Năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi tăng nhanh
- C. Đã hình thành các vùng chuyên canh gắn với công nghiệp chế biến
- D. Việc xuất khẩu nông sản được đẩy mạnh

Câu 55: Để đẩy mạnh thâm canh nông nghiệp ở nước ta, giải pháp có ý nghĩa hàng đầu là:

- A. Đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp
- B. Phát triển thủy lợi
- C. Đổi mới cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi
- D. Phát triển công nghiệp chế biến nông sản

Câu 56: Cơ cấu mùa vụ, cơ cấu nông sản ở nước ta có sự khác biệt giữa các vùng miền, chủ yếu do sự khác nhau về:

- A. Tập quán sản xuất
- B. Trình độ sản xuất
- C. Điều kiện tự nhiên
- D. Cơ sở vật chất- kĩ thuật

Câu 57: Nhân tố nào lag chủ yếu gây nên tính bất bēnh trong sản xuất nông nghiệp ở nước ta?

- A. Thị trường xuất khẩu
- B. Điều kiện thời tiết
- C. Giống vật nuôi cây trồng
- D. Trình độ sản xuất

Câu 58: Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển nông nghiệp nước ta gồm có:

1. Cơ sở kĩ thuật
2. Chính sách nông nghiệp
3. Dân cư, lao động
4. Đất trồng
5. Khí hậu
6. Nước tưới
7. Sinh vật
8. Thị trường

Hãy xếp các nhân tố trên thành 2 nhóm điều kiện tự nhiên(TN)và điều kiện kinh tế- xã hội(KT-XH)

- A. TN:1,3,5,7; KT-XH:2,4,6,8
- B. TN: 1,2,3,5; KT-XH: 4,6,7,8
- C. TN:4,5,6,7; KT-XH:1,2,3,8
- D. TN:1,2,3,4; KT-XH: 5,6,7,8

Câu 59: Hệ thống cơ sở vật chất kĩ thuật trong Nông nghiệp không bao gồm:

- A. Hệ thống thủy lợi
- B. Hệ thống dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi
- C. Các cơ sở chế biến nông sản
- D. Cơ sở vật chất- kĩ thuật khác

Câu 60: Loại đất chiếm diện tích lớn nhất nước ta là:

- A. Đất phù sa
- B. Đất feralit
- C. Đất xám phù sa cổ
- D. Đất phèn và đất mặn

Câu 61: Loại đất chủ yếu sử dụng để trồng cây công nghiệp là:

- A. Đất phù sa
- B. Đất xám
- C. Đất Feralit
- D. Đất Feralit và đất xám

Câu 62: Đặc điểm nào của khí hậu nước ta có ảnh hưởng lớn nhất đến sản xuất nông nghiệp?

- A. Nóng ẩm, mưa theo mùa
- B. Phân hóa theo Bắc- Nam
- C. Phân hóa theo độ cao địa hình
- D. Có diễn biến thất thường

Câu 63: Để nâng cao sức cạnh tranh của hàng nông sản xuất khẩu của nước ta, giải pháp thiết thực là:

- A. Đổi mới cơ cấu giống cây trồng vật nuôi
- B. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp
- C. Mở rộng diện tích các vùng chuyên canh
- D. Nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất và chế biến

Câu 64: Thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong thâm canh nông nghiệp ở nước ta vì:

- A. Nông nghiệp nước ta mang tính chất mùa vụ.
- B. Nguồn nước phân bố không đồng đều trong năm.
- C. Nông nghiệp nước ta chủ yếu là trồng lúa.
- D. Tài nguyên nước của nước ta hạn chế, không đủ cho sản xuất.

Câu 65: Nông nghiệp nước ta mang tính mùa vụ vì:

- A. Tài nguyên đất nước ta phong phú, có cả đất phù sa lẫn đất feralit.
- B. Nước ta có thể trồng được từ các loại cây nhiệt đới cho đến một số cây cận nhiệt và ôn đới.
- C. Khí hậu cận nhiệt đới ẩm gió mùa có sự phân hóa theo mùa.
- D. Lượng mưa phân bố không đều trong năm .

Câu 66: Tài nguyên sinh vật có ảnh hưởng lớn đến nông nghiệp vì:

- A. Cây trồng và vật nuôi là đối tượng hoạt động của nông nghiệp.
- B. Sinh vật là tư liệu sản xuất không thể thay thế được của nông nghiệp.
- C. Đây là nguồn cung cấp hữu cơ để tăng độ phì cho đất.
- D. Thực vật là nguồn thức ăn quan trọng phục vụ chăn nuôi.

Câu 67: Tây Nguyên là vùng chuyên canh cây cà phê hàng đầu nước ta là vì:

- A. Có nhiều diện tích đất phù sa phù hợp với cây cà phê.
- B. Có nguồn nước ngầm rất phong phú.
- C. Có độ cao lớn nên khí hậu mát mẻ.
- D. Có nhiều diện tích đất feralit rất thích hợp với cây cà phê.

Câu 68: Trong khu vực nông-lâm- ngư nghiệp, tỉ trọng ngành thủy sản có xu hướng tăng là do:

- A. Nguồn tài nguyên thủy hải sản phong phú.
- B. Trang thiết bị khai thác thủy hải sản ngày càng hiện đại.
- C. Thị trường thủy hải sản rất rộng.
- D. Các ngành nông- lâm nghiệp ngày càng kém phát triển hơn.

Câu 69: Nước ta có thể trồng từ hai đến ba vụ lúa và rau, màu trong một năm là do:

- A. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có nguồn nhiệt, ẩm phong phú.
- B. Khí hậu có sự phân hóa rõ rệt theo chiều Bắc- Nam.
- C. Địa hình có sự phân hóa đa dạng.
- D. Dân cư có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp.

Câu 70: Ở nước ta diện tích đất chuyên dùng và đất ở ngày càng tăng, chủ yếu lấy từ:

- A. Đất lâm nghiệp.
- B. Đất hoang hóa.
- C. Đất chưa sử dụng ven biển.
- D. Đất nông nghiệp.

Câu 71: Nguyên nhân khiến chăn nuôi chiếm tỉ trọng còn hạn chế trong cơ cấu giá trị ngành nông nghiệp nước ta là:

- A. Khí hậu diễn biến thất thường ít thuận lợi cho chăn nuôi.

- B.** Quy trình chăn nuôi và công nghiệp chế biến thực phẩm chưa thật sự hiện đại, chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường khó tính.
- C.** Thị trường tiêu thụ còn hạn chế.
- D.** Chăn nuôi còn ít được chú trọng đầu tư.
- Câu 72: Tư liệu sản xuất không thể thay thế được của ngành nông nghiệp là:**
- A.** Đất đai. **B.** Khí hậu. **C.** Nước. **D.** Sinh vật.
- Câu 73: Năng suất lúa của nước ta trong giai đoạn gần đây tăng nhanh chủ yếu là do:**
- A.** Thời tiết ổn định hơn **B.** Mở rộng diện tích gieo trồng.
- C.** Đẩy mạnh thâm canh. **D.** Tăng cường xuất khẩu.
- Câu 74: Sản lượng lúa của nước ta liên tục tăng không phải do:**
- A.** Đưa vào trồng nhiều giống mới năng suất cao
- B.** Áp dụng nhiều biện pháp khoa học kỹ thuật.
- C.** Mở rộng diện tích trồng lúa ở khu vực Đồng bằng sông Hồng.
- D.** Mở rộng diện tích trồng lúa ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.
- Câu 75: Sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây là do:**
- A.** Khí hậu thuận lợi cho việc nuôi trồng.
- B.** Sản lượng đánh bắt ngày càng giảm.
- C.** Mở rộng diện tích gieo trồng, tăng cường áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.
- D.** Mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Câu 76: Vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thực phẩm lớn nhất nước ta hiện nay là:**
- A.** Vùng Đồng bằng sông Hồng.
- B.** Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- C.** Vùng Đồng bằng duyên hải miền Trung.
- D.** Vùng Đông Nam Bộ.
- Câu 77: Cây cà phê phân bố nhiều nhất ở vùng:**
- A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C.** Tây Nguyên. **D.** Đông Nam Bộ.
- Câu 78: Cây chè được trồng nhiều nhất ở vùng:**
- A.** Đồng bằng sông Hồng. **B.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C.** Tây Nguyên. **D.** Đông Nam Bộ.
- Câu 79: Nhận định nào sau đây không đúng với đặc điểm phát triển và phân bố của ngành thủy sản nước ta hiện nay:**
- A.** Nghề cá phát triển mạnh ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
- B.** Sản lượng khai thác và nuôi trồng nhìn chung đều tăng.
- C.** Sản lượng khai thác ngày càng giảm do sự cạn kiệt tài nguyên biển.
- D.** Xuất khẩu thủy sản ngày càng phát triển.
- Câu 80: Nhân tố tự nhiên ảnh hưởng lớn đến sự phát triển và sự phân bố công nghiệp là:**
- A.** Địa hình **B.** Khí hậu.
- C.** Vị trí địa lý **D.** Nguồn nguyên nhiên liệu.
- Câu 81: Các nhân tố có vai trò quyết định đến sự phát triển và phân bố công nghiệp của nước ta là:**
- A.** Dân cư và lao động.
- B.** Thị trường, chính sách phát triển công nghiệp
- C.** Các nhân tố kinh tế - xã hội.
- D.** Cơ sở vật chất kỹ thuật trong công nghiệp và cơ sở hạ tầng.
- Câu 82: Cơ sở để phát triển ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta là:**
- A.** Nguồn lao động dồi dào, chất lượng cao

- B. Các nguồn tài nguyên có trữ lượng lớn
- C. Thị trường tiêu thụ rộng lớn
- D. Vị trí địa lí thuận lợi.

Câu 83: Nguồn lao động dồi dào, thị trường rộng lớn là cơ sở để phát triển mạnh ngành:

- A. Công nghiệp dầu khí
- B. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng
- C. Công nghiệp cơ khí và hoá chất.
- D. Công nghiệp điện tử

Câu 84: Ngành công nghiệp năng lượng phát triển mạnh nhất ở Quảng Ninh là:

- A. Khai thác than
- B. Hoá dầu
- C. Nhiệt điện
- D. Thủy điện.

Câu 85: Ngành công nghiệp năng lượng phát triển mạnh nhất ở Bà Rịa – Vũng Tàu là:

- A. Than
- B. Hoá dầu
- C. Thủy điện.
- D. Nhiệt điện

Câu 86: Trong các ngành công nghiệp sau, ngành nào của nước ta có thế mạnh đặc biệt và cần đi trước một bước so với các ngành khác:

- A. Công nghiệp điện tử.
- B. Công nghiệp hoá chất.
- C. Công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm.
- D. Công nghiệp năng lượng.

Câu 87: Trung tâm công nghiệp nào dưới đây có các ngành chuyên môn hoá chủ yếu là dệt, may; chế biến lương thực, thực phẩm; hoá chất; điện tử; cơ khí; luyện kim đen; luyện kim màu; sản xuất ô tô; đóng tàu; sản xuất giấy xenlulo; vật liệu xây dựng; nhiệt điện.

- A. Hà Nội
- B. Thành phố Hồ Chí Minh
- C. Bà Rịa - Vũng Tàu
- D. Hải Phòng

Câu 88: Hệ thống công nghiệp của nước ta hiện nay gồm có:

- A. Các trung tâm công nghiệp có quy mô rất lớn, lớn, trung bình và nhỏ.
- B. Các cơ sở nhà nước, ngoài nhà nước và các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài.
- C. Đầy đủ các ngành công nghiệp thuộc các lĩnh vực.
- D. Có nhiều ngành công nghiệp trọng điểm.

Câu 89: Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của nước ta năm 2002, ngành công nghiệp nào chiếm tỉ trọng cao thứ nhất, nhì, ba lần lượt là:

- A. Chế biến lương thực, thực phẩm; cơ khí, điện tử; khai thác nhiên liệu.
- B. Khai thác nhiên liệu; điện; chế biến lương thực, thực phẩm.
- C. Chế biến lương thực, thực phẩm; điện; khai thác nhiên liệu.
- D. Chế biến lương thực, thực phẩm; khai thác nhiên liệu; cơ khí, điện tử.

Câu 90: Các ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta theo tỉ trọng từ lớn đến nhỏ :

- A. Chế biến lương thực thực phẩm, cơ khí, điện tử, khai thác nhiên liệu, vật liệu xây dựng, hóa chất, dệt may, điện.
- B. Chế biến lương thực thực phẩm, các ngành công nghiệp khác, cơ khí điện tử, dệt may, điện, hóa chất, vật liệu xây dựng.
- C. Chế biến lương thực thực phẩm, dệt may, điện, hóa chất, vật liệu xây dựng, cơ khí điện tử, khai thác nhiên liệu.
- D. Tất cả đều sai

Câu 91: Các nhà máy nhiệt điện có công suất trên 1000MW của nước ta là:

- A. Phả Lại, Cà Mau, Sơn La.
- B. Hòa Bình, Phả Lại, Phú Mỹ.
- C. Hòa Bình, Phú Mỹ, Phả Lại.
- D. Phả Lại, Phú Mỹ, Cà Mau.

Câu 92: Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất đang hoạt động ở nước ta hiện nay là:

- A. Hòa Bình
- B. Sơn La
- C. Trị An
- D. Thác Bà.

Câu 93: Các trung tâm công nghiệp cơ khí – điện tử lớn nhất của nước ta hiện nay là:

- A. Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng.
- B. Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng.
- C. Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Biên Hòa
- D. Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Thái Nguyên.

Câu 94: Các trung tâm dệt may lớn nhất của nước ta:

- A. Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nam Định.
- B. Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Biên Hòa, Thủ Dầu Một.
- C. Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Biên Hòa, Đà Nẵng.
- D. Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Thủ Dầu Một.

Câu 95: Ưu thế lớn nhất của công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản ở nước ta:

- A. Có nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.
- B. Có thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- C. Có sự đầu tư lớn.
- D. Có nguồn nhân lực

Câu 96: Điểm giống nhau về công nghiệp của hai Trung tâm công nghiệp Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là:

- A. Đều là TTCN lớn nhất cả nước
- B. Đều phát triển luyện kim màu, cơ khí, chế biến thực phẩm.
- C. Đều là TTCN hoá chất lớn nhất cả nước
- D. Đều phát triển mạnh ngành công nghiệp năng lượng.

Câu 97: Hai khu vực tập trung công nghiệp lớn nhất cả nước là:

- A. Tp HCM và Hà Nội.
- B. ĐNB và ĐBSH
- C. ĐNB và Hà Nội
- D. ĐBSH và Tp HCM.

Câu 98: Sơn La - nhà máy thủy điện lớn nhất nước ta được xây dựng trên sông nào?

- A. Sông Lô
- B. Sông Chảy
- C. Sông Hồng
- D. Sông Đà.

Câu 99: Vùng công nghiệp phát triển nhất nước ta là:

- A. Vùng Đồng bằng sông Hồng.
- B. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Vùng Đông Nam Bộ.
- D. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 100: Sự đa dạng về tài nguyên thiên nhiên nước ta là cơ sở để:

- A. Phát triển các ngành công nghiệp hiện đại.
- B. Phát triển các ngành công nghiệp nặng.
- C. Phát triển các ngành công nghiệp nhẹ.
- D. Phát triển công nghiệp với cơ cấu đa dạng.

Câu 101: Hai trung tâm công nghiệp lớn nhất nước ta là:

- A. Hà Nội và Hải Phòng.
- B. Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh
- C. Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai.
- D. Hải Phòng và Đà Nẵng.

Câu 102: Ngành công nghiệp dệt may nước ta phát triển dựa trên ưu thế về:

- A. Chất lượng nguồn lao động.
- B. Nguồn nguyên liệu tại chỗ dồi dào, phong phú.
- C. Nguồn lao động dồi dào giá rẻ.
- D. Công nghệ sản xuất hiện đại.

Câu 103: Nguồn nguyên liệu tại chỗ dồi dào, phong phú là thế mạnh đặc biệt của ngành công nghiệp nào của nước ta?

- A. Công nghiệp dệt may.
- B. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.

- C. Công nghiệp khai thác nhiên liệu.
- D. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

Câu 104: Trong những ngành công nghiệp sau, ngành nào không phải là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta?

- A. Công nghiệp dệt may, hóa chất.
- B. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, điện tử.
- C. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp khai thác nhiên liệu.
- D. Công nghiệp luyện kim đen, luyện kim màu.

Câu 105: Đặc điểm nào sau đây không đúng về ngành công nghiệp trọng điểm?

- A. Có thể mạnh phát triển lâu dài.
- B. Chiếm tỉ trọng lớn trong giá trị sản xuất công nghiệp, mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- C. Thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế khác.
- D. Sử dụng tài nguyên thiên nhiên với quy mô lớn.

Câu 106: Ngành công nghiệp dầu khí nhanh chóng trở thành ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta là do:

- A. Dầu khí có vai trò quan trọng trong nền kinh tế.
- B. Mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- C. Gây ra nhiều vấn đề môi trường cần giải quyết.
- D. Có thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Câu 107: Nguồn năng lượng nào sau đây chưa được khai thác để sản xuất điện của nước ta hiện nay:

- A. Than.
- B. Khí đốt.
- C. Thủy năng.
- D. Địa nhiệt

Câu 108: Sự phân hóa các nhà máy nhiệt điện nước ta có đặc điểm chung là:

- A. Gần với các lưu vực sông lớn.
- B. Nằm trong các khu vực đông dân.
- C. Trong vùng có khí hậu ổn định.
- D. Gần hoặc thuận lợi để tiếp nhận nguồn than hoặc dầu khí.

Câu 109: Nhân tố tác động mạnh mẽ đến sự phân bố các cơ sở chế biến lương thực thực phẩm là:

- A. Chính sách phát triển của nhà nước và cơ sở hạ tầng.
- B. Nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.
- C. Cơ sở hạ tầng và nguồn lao động có chất lượng cao.
- D. Kinh nghiệm sản xuất và thị trường tiêu thụ.

Câu 110: Sản lượng khai thác than nước ta gần đây tăng khá nhanh do:

- A. Khí hậu có nhiều diễn biến thuận lợi cho quá trình khai thác.
- B. Chất lượng lao động ngày càng tăng.
- C. Sự phát triển mạnh của ngành nhiệt điện.
- D. Trang thiết bị khai thác ngày càng hiện đại và thị trường tiêu thụ mở rộng.

Câu 111: Hoạt động dịch vụ tập trung ở thành phố lớn và thị xã nhiều hơn ở khu vực nông thôn do

- A. Dân cư tập trung đông và kinh tế phát triển hơn khu vực nông thôn
- B. Giao thông vận tải phát triển hơn
- C. Thu nhập bình quân đầu người cao hơn
- D. Có nhiều chợ hơn.

Câu 112: Việc nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ phải dựa trên cơ sở chủ yếu nào?

- A. Dân cư đông và nguồn lao động dồi dào.
- B. Thu hút đầu tư nước ngoài.

- C. Trình độ công nghệ cao, lao động lành nghề, cơ sở vật chất kỹ thuật tốt.
- D. Chính sách phát triển ngành dịch vụ của nhà nước.

Câu 113: Yếu tố nào tác động mạnh mẽ đến sự phân bố ngành dịch vụ.

- A. Vị trí địa lý thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú.
- B. Nền kinh tế phát triển năng động.
- C. Giao thông vận tải phát triển.
- D. Sự phân bố dân cư và phát triển kinh tế.

Câu 114: Trong số các di sản thế giới được UNESCO công nhận dưới đây, nhóm di sản nào thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ:

- A. Cố đô Huế, Hạ Long
- B. Phố cổ Hội An, di tích Mỹ Sơn
- C. Phong Nha – Kẻ Bàng, di tích Mỹ Sơn
- D. Cồng chiêng Tây Nguyên, phố cổ Hội An.

Câu 115: Các tuyến đường bộ xuất phát từ Thủ đô Hà Nội là:

- A. 1A, số 3, số 2, số 5, số 6, đường Hồ Chí Minh.
- B. 1A, số 3, số 21, số 5, số 6, đường Hồ Chí Minh.
- C. 1A, số 3, số 10, số 5, số 6, đường Hồ Chí Minh.
- D. 1A, số 3, số 18, số 5, số 6, đường Hồ Chí Minh

Câu 116: Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là hai TT dịch vụ lớn nhất ở nước ta không biểu hiện ở đặc điểm:

- A. Là hai đầu mối giao thông vận tải, viễn thông lớn nhất cả nước
- B. Là nơi tập trung nhiều TTCN lớn nhất cả nước.
- C. Là nơi tập trung nhiều trường đại học, viện nghiên cứu và bệnh viện lớn.
- D. Là hai trung tâm thương mại, tài chính ngân hàng lớn nhất nước ta.

Câu 117: Hàng hóa nhập khẩu chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu trị giá hàng xuất nhập khẩu của nước ta năm 2007 là:

- A. Máy móc, thiết bị, phụ tùng
- B. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.
- C. Nguyên, nhiên, vật liệu.
- D. Công nghiệp nặng và khoáng sản.

Câu 118: Hiện nay, nước ta đang hợp tác buôn bán với khu vực nào nhiều nhất:

- A. Châu Âu
- B. Bắc Mỹ
- C. Châu Á – Thái Bình Dương
- D. Châu Đại Dương

Câu 119: Nhận định nào sau đây không đúng về vai trò của ngành dịch vụ:

- A. Thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp và công nghiệp.
- B. Tạo ra mối liên hệ giữa các ngành sản xuất, các vùng trong nước và giữa nước ta với nước ngoài.
- C. Thu hút nhiều lao động, tạo thêm nhiều việc làm.
- D. Trực tiếp tạo ra khối lượng của cải vật chất lớn

Câu 120: Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của nước ta là:

- A. Ô tô, xe máy, hàng điện tử
- B. Khoáng sản, nông sản, hàng công nghiệp nhẹ.
- C. Máy móc, thiết bị và nông sản
- D. Hóa chất, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng.

Câu 121: Các mặt hàng nhập khẩu chủ lực của nước ta là:

- A. Máy móc thiết bị, nguyên nhiên liệu
- B. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng.
- C. Hàng tiêu dùng, hóa mỹ phẩm.
- D. Vật liệu xây dựng, nông sản.

Câu 122: Mặt hàng không thuộc nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta hiện nay là:

- A. Da giày.
- B. Hàng thủ công mỹ nghệ.

C. Hàng dệt- may.

D. Lúa gạo, thủy hải sản.

Câu 123: Mạng lưới giao thông vận tải nước ta còn nhiều hạn chế là do:

A. Điều kiện tự nhiên không thuận lợi.

B. Thiếu vốn đầu tư.

C. Sự phân bố công nghiệp không đồng đều.

D. Nhu cầu vận tải nước ta chưa cao.

Câu 124: Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu là do:

A. Thị trường thế giới ngày càng mở rộng.

B. Thuế xuất- nhập khẩu ngày càng giảm

C. Sự phát triển nền kinh tế trong nước cùng những đổi mới trong cơ chế quản lí.

D. Việt nam đã tham gia WTO (Tổ chức thương mại thế giới).

Câu 125: Nguồn năng lượng nào sau đây chưa được khai thác để sản xuất điện của nước ta hiện nay:

A. Than.

B. Khí đốt.

C. Thủy năng.

D. Địa nhiệt

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	C	C	C	B	D	A	A	D	C	C	A	D	B	C	D	A	A	A	D
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
D	C	A	C	C	C	B	C	C	C	B	C	C	A	A	A	B	C	D	B
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
D	B	D	B	C	A	A	A	B	D	D	B	D	C	B	C	B	C	C	B
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
D	A	D	B	C	A	D	B	A	D	B	A	C	C	C	B	C	B	C	D
81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
C	B	B	C	B	D	B	B	A	A	D	B	B	A	A	A	B	D	C	D
101	102	103	104	105	106	107	108	109	110	111	112	113	114	115	116	117	118	119	120
1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0
B	C	B	D	D	B	D	D	B	D	A	C	D	B	B	B	C	C	D	B
121	122	123	124	125															
A	B	B	C	D															